

Bản án số: 04/2019/HSST
Ngày: 30-01-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2019/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: T5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị H1; bị cáo có vợ và 01 người con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2018 cho đến nay (Có mặt)

- Bị hại: Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lâm Thị Mỹ L, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: T5, xã N, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 06/11/2018, Nguyễn Tấn Q đi bộ từ nhà tại T5, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước xuống phía dưới bùng để bẻ mía ăn, Q thấy vườn rẫy của ông Nguyễn Văn H ở kế bên có một số bao cà phê tươi, nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Q đi bộ đến rẫy của ông H vác 11 bao cà phê tươi đem cất giấu ở nương nước cách rẫy khoảng 200m, rồi Q đi về nhà. Khoảng 17 giờ ngày 07/11/2018, Q đến nhà chị Lâm Thị Mỹ Lệ, ngụ cùng T5, xã N mượn xe mô tô (không biển số) chở số cà phê đã trộm cắp mang bán cho chị Nguyễn Thị Thanh K, ở ấp L, xã T, huyện Đồng Phú. Chị K cân được 469kg, mua với giá 7.000đ/1kg, thành tiền là 3.280.000đ, Q lấy tiền về sử dụng vào việc cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-ĐG ngày 08/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: 469kg cà phê tươi tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội (ngày 06/11/2018) có giá trị là 3.283.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh đã truy tố đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: 469 kg cà phê tươi đã thu hồi trả cho bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với xe mô tô không biển số bị cáo mượn của chị Lâm Thị Mỹ L để chở cà phê Q trộm cắp được. Không có giấy tờ, không xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu bị cáo trả lại cho chị K số tiền 3.280.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT – VKS.BĐ ngày 17/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Tấn Q về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”; về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Q từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Tấn Q phải trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh K số tiền 3.280.000 đồng.

Về án phí buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Tấn Q thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 17 giờ ngày 06/11/2018, Nguyễn Tấn Q đi xuống bưng bẻ mía ăn thì phát hiện bên vườn nhà ông Nguyễn Văn H có một số bao cà phê tươi. Đến 18 giờ cùng ngày bị cáo lén lút vào rẫy của nhà ông H vác 11 bao cà phê tươi giấu dưới nương nước gần đó. Đến 17 giờ ngày 07/11/2018 bị cáo mượn xe của chị Lâm Thị Mỹ L chở toàn bộ số cà phê trộm cắp được đi tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 3.283.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn Q đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn được hưởng thụ, Bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

- Đối với chị Lâm Thị Mỹ L, khi cho Q mượn xe mô tô không biết Q sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chị Nguyễn Thị Thanh K, khi mua cà phê của Q không biết đó là tài sản do Q phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: 469 kg cà phê tươi đã thu hồi trả cho bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với xe mô tô không có biển số do bị cáo mượn của chị Lâm Thị Mỹ L, mặc dù chị L không biết mục đích của bị cáo. Tuy nhiên, xe không có giấy tờ, không chứng minh được là chủ sở hữu hợp pháp nên cần tịch thu sung công quỹ.

Đối với xe mô tô không biển số bị tịch thu, tại phiên tòa chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn Q trả lại số tiền 3.280.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo Nguyễn Tấn Q bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thanh K số tiền 3.280.000 đồng.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn Q phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173, điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Q 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 09/11/2018.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu sung công quỹ: 01 xe mô tô không biển số, số khung VFCPCH0A2YF000XXX, số máy 1P50FMH Y0274XXX.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn Q phải trả lại số tiền 3.280.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thanh K.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long